

VN-Index **1775.09 (-1.47%)**
716 Tr. cổ phiếu 16757.3 Tỷ VND (-6.33%)

HNX-Index **272.77 (-1.33%)**
36 Tr. cổ phiếu 570.5 Tỷ VND (-8.47%)

UPCOM-Index **125.83 (-0.14%)**
72 Tr. cổ phiếu 1230.6 Tỷ VND (179.48%)

VN30F1M **1937.50 (-0.64%)**
182,529 HD OI: 32,879 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1775.1, giảm -26.6 điểm (-1.47%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế đẩy chỉ số lùi về vùng hỗ trợ quan trọng, quanh khu vực 1770 điểm. Sức ép lớn đến từ nhóm Vin.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: PAN (+0.3%), MSN (+1.4%) | Hóa chất: TSC (+1.6%), GVR (+2.0%), TRC (+2.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: DXG (-4.3%), VHM (-4.1%), VRE (-3.0%) | Dầu khí: BSR (-4.2%), PLX (-3.9%), PVD (-3.4%) | Ngân hàng: SSB (-2.4%), LPB (-1.9%), ACB (-1.8%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-3.3%), POW (-2.0%), NT2 (-1.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (-3.5%), VOS (-2.8%), GMD (-1.9%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, MSN, VTP, BCM, VPB - Chiều giảm | VIC, VHM, GAS, BSR, CTG
- Khối ngoại Bán ròng hơn 900 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, VIC, VPB, trong khi mua ròng MSN, GAS, STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nến giảm Marubozu, cho thấy lực cung chiếm ưu thế, trong khi thanh khoản ở mức thấp biểu thị lực cầu bắt đáy còn dè dặt. Các chỉ báo động lượng cũng nổi dài đà suy yếu hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn đang chi phối. Chỉ số đã áp sát ngưỡng hỗ trợ quan trọng, quanh khu vực 1770 điểm. Nếu phá vỡ, đà giảm khả năng mở rộng về mốc 1720 điểm. Chiều ngược lại, khu vực 1800 - 1820 hiện trở thành vùng cản gần. Để xác nhận nhịp phục hồi, VN-Index cần vượt được ngưỡng 1825 điểm. Trái lại, nếu chưa thể lấy lại vùng này, các nhịp bật tăng nếu xuất hiện nhiều khả năng chỉ mang tính kỹ thuật.
- Đối với HNX-Index**, áp lực cung trở lại chi phối đẩy chỉ số về vùng tích lũy 270 - 275. Đà tăng được xác nhận khi chỉ số bút phá được ngưỡng 280. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- Chiến lược:** Chuẩn bị cho kịch bản phòng thủ. Đối với tỷ trọng danh mục tổng thể, nếu chỉ số phá vỡ mốc 1770 điểm, nên hạ về mức trung bình. Chỉ cân nhắc gia tăng khi VN-Index trở lại vận động trên ngưỡng 1825 điểm. Đối với từng cổ phiếu, nên quản trị theo tín hiệu riêng, hạ bớt vị thế ở các mã đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, trong khi chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Bán lẻ, Tiêu dùng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ PLX, PVD (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,775.1 ▼	-1.5%	-2.6%	-0.8%	16,757.3 ▼	-6.3%	-6.9%	-13.7%	716.5 ▼	-1.4%	-0.8%	-18.7%				
HNX-Index	272.8 ▼	-1.3%	-0.4%	-3.7%	570.5 ▼	-8.5%	-35.2%	-48.8%	36.0 ▼	-13.6%	-30.4%	-46.1%				
UPCOM-Index	125.8 ▼	-0.1%	-0.3%	-1.5%	1,230.6 ▲	179.5%	189.6%	114.8%	71.9 ▲	137.1%	197.1%	112.0%				
VN30	1,932.2 ▼	-1.2%	-2.2%	-0.5%	9,275.2 ▼	-8.6%	-14.7%	2.5%	269.1 ▼	-10.8%	-18.7%	-4.9%				
VNMID	1,877.8 ▼	-0.9%	0.1%	-4.8%	6,017.9 ▲	1.6%	2.7%	-31.8%	312.1 ▲	6.7%	1.3%	-33.7%				
VNSML	1,235.1 ▼	-0.5%	0.6%	-2.9%	1,266.7 ▼	-16.2%	49.0%	9.5%	67.4 ▼	-1.3%	-3.3%	-39.4%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	629.7 ▼	-0.9%	-1.77%	-0.1%	4,689.6 ▼	-30.0%	-20.6%	-4.5%	218.5 ▼	-22.2%	-15.3%	1.1%				
Bất động sản	976.3 ▼	-2.7%	-5.0%	1.5%	3,194.0 ▲	29.0%	-3.7%	2.5%	105.1 ▲	23.0%	15.6%	22.1%				
Dịch vụ tài chính	268.5 ▼	-0.8%	-1.4%	-7.6%	1,810.6 ▲	25.0%	-7.4%	-3.7%	107.1 ▲	32.9%	-3.6%	1.0%				
Công nghiệp	234.6 ▼	-0.3%	3.1%	0.3%	1,404.6 ▼	-17.2%	17.9%	56.2%	44.4 ▼	-9.7%	7.7%	27.6%				
Tài nguyên cơ bản	460.5 ▼	-1.0%	-1.6%	-6.1%	442.4 ▼	-32.6%	-20.8%	-12.0%	25.7 ▼	-24.8%	-14.6%	-6.3%				
Xây dựng - Vật Liệu	154.3 ▼	-0.3%	0.8%	-3.0%	372.4 ▼	-26.5%	-6.2%	3.0%	23.0 ▼	-16.3%	-2.5%	2.3%				
Thực phẩm	495.2 ▬	0.2%	-0.1%	-1.4%	1,023.6 ▼	-22.0%	-18.2%	8.2%	20.5 ▼	-38.0%	-27.7%	-13.5%				
Bán Lẻ	1,413.7 ▼	-0.1%	1.9%	-1.6%	767.5 ▼	-8.6%	30.8%	37.2%	13.6 ▲	12.2%	41.2%	53.8%				
Công nghệ	386.7 ▼	-1.1%	-3.1%	0.3%	422.2 ▲	26.0%	-36.6%	-25.1%	10.4 ▲	92.9%	-8.9%	11.5%				
Hóa chất	171.3 ▬	1.0%	1.6%	2.4%	465.8 ▲	24.7%	29.2%	29.1%	18.0 ▲	17.0%	17.6%	28.3%				
Tiện ích	759.5 ▼	-2.2%	-2.3%	-1.2%	299.2 ▲	5.9%	3.1%	3.9%	10.9 ▼	-6.5%	-6.0%	-7.6%				
Dầu khí	115.5 ▼	-4.0%	-3.6%	4.2%	985.6 ▲	55.1%	25.55%	53.8%	36.0 ▲	52.3%	29.3%	57.2%				
Dược phẩm	388.2 ▼	-0.8%	1.4%	-1.3%	98.3 ▲	224.2%	-24.0%	32.2%	2.7 ▲	159.8%	-26.8%	-3.7%				
Bảo hiểm	107.6 ▼	-0.4%	-0.1%	5.9%	70.3 ▲	30.2%	10.5%	56.1%	1.1 ▲	16.8%	5.9%	36.0%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,775.1 ▼	-1.47%	-0.5%	13.7x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,603 ▼	-0.50%	27.2%	15.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,299 ▼	-1.20%	-27.2%	14.1x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,441 ▼	-0.29%	1.1%	15.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,730 ▼	-1.12%	-5.3%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,888 ▼	-1.22%	-2.0%	16.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,761 ▼	-0.29%	-3.4%	12.2x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,514 ▬	0.76%	30.1%	20.7x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,706 ▼	-0.75%	12.6%	26.4x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,512 ▼	-0.68%	7.2%	22.5x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,714 ▬	0.08%	7.9%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,291 ▼	-0.14%	8.6%	17.1x	2.5x
DXV		101.3 ▬	0.65%	3.0%		
USDVND		25,994 ▼	-0.023%	-1.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

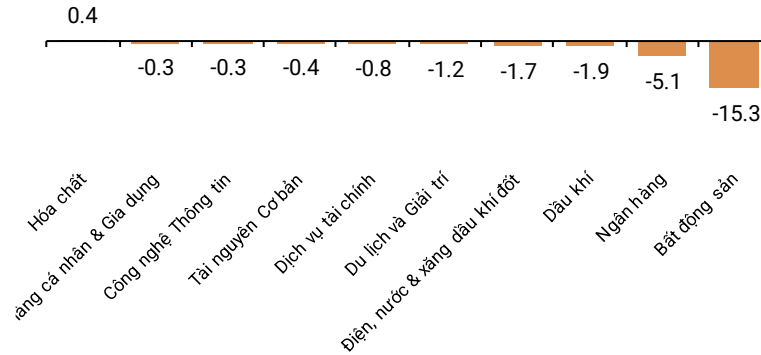
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.28%	13.3%	71.6%	50.6%
Dầu WTI	▬	0.86%	9.3%	61.9%	43.0%
Khí gas	▬	1.0%	9.7%	-17.2%	6.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	23.0%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-0.5%	1.2%	-3.2%
PVC (*)	▬	0.4%	3.5%	4.4%	-2.1%
Phân Urea	▬	0.0%	20.0%	27.0%	18.5%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	7.6%	41.2%	46.5%
Bông Cotton	▬	0.0%	-9.8%	22.8%	23.2%
Đường	▼	-0.2%	0.3%	18.0%	13.2%
World Container Index	▼	-0.7%	-1.3%	101.9%	133.5%
Baltic Dirty tanker Index	▬	1.0%	75.9%	294.8%	361.2%
Vàng	▼	-0.67%	-8.5%	-1.4%	14.0%
Bạc	▼	-1.37%	-7.8%	-11.3%	44.7%

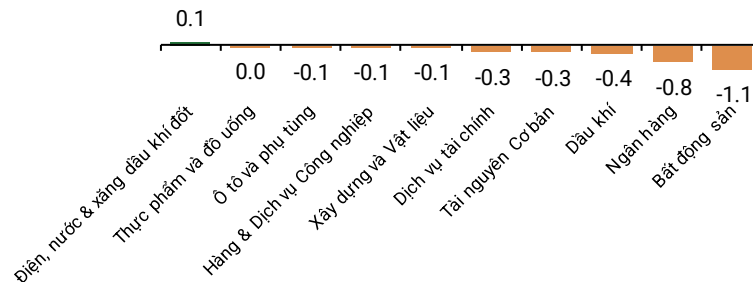
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.04 (CTR)	-0.48 (VJC)
+0.04 (VNM)	-0.48 (ACB)
+0.05 (VPI)	-0.56 (LPB)
+0.07 (FRT)	-0.70 (VCB)
+0.08 (MSB)	-0.73 (BID)
+0.08 (VPB)	-0.89 (CTG)
+0.09 (BCM)	-1.35 (BSR)
+0.14 (VTP)	-1.41 (GAS)
+0.30 (MSN)	-4.79 (VHM)
+0.54 (GVR)	-9.69 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (S99)	-0.04 (SEB)
+0.01 (IPA)	-0.06 (HUT)
+0.02 (SLS)	-0.07 (NTP)
+0.02 (TTL)	-0.11 (SHS)
+0.02 (NFC)	-0.12 (MBS)
+0.02 (HTC)	-0.26 (KSF)
+0.02 (VNR)	-0.32 (PVS)
+0.05 (SHN)	-0.33 (KSV)
+0.07 (BAB)	-0.79 (THD)
+0.15 (PGS)	-0.86 (NVB)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+14 (VNM)	-44 (TCX)
+15 (BSR)	-46 (VCB)
+15 (MSB)	-62 (HPG)
+15 (SHB)	-77 (TCB)
+16 (VCI)	-90 (CTG)
+17 (DCM)	-92 (ACB)
+19 (FRT)	-99 (HDB)
+24 (STB)	-114 (VPB)
+26 (GAS)	-177 (VIC)
+182 (MSN)	-349 (VHM)

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (DL1)	-0.1 (HUT)
+0.0 (NTP)	-0.1 (THD)
+0.1 (BVS)	-0.1 (MVB)
+0.1 (PSI)	-0.1 (DXP)
+0.4 (VC3)	-0.2 (VGS)
+0.5 (VFS)	-0.2 (TIG)
+0.6 (TNG)	-0.3 (PVI)
+1.3 (MBS)	-0.9 (KSF)
+1.8 (NVB)	-1.0 (CEO)
+7.7 (IDC)	-2.3 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	VIC	MSN	TCB	VPB
%DoD	-4.1%	-2.5%	1.4%	-0.6%	0.2%
Giá trị	1,212	696	667	539	477

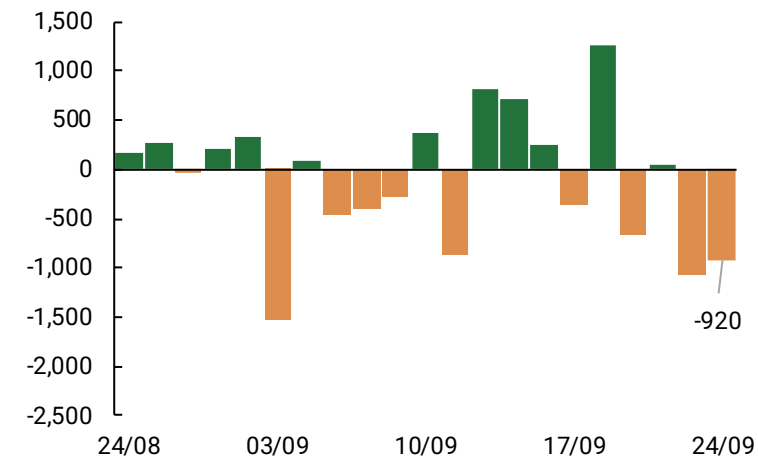
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	PET	EIB	VIX	HDB	SSB
%DoD	1.4%	0.0%	-1.5%	-1.3%	-2.4%
Giá trị	341	307	267	234	209

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



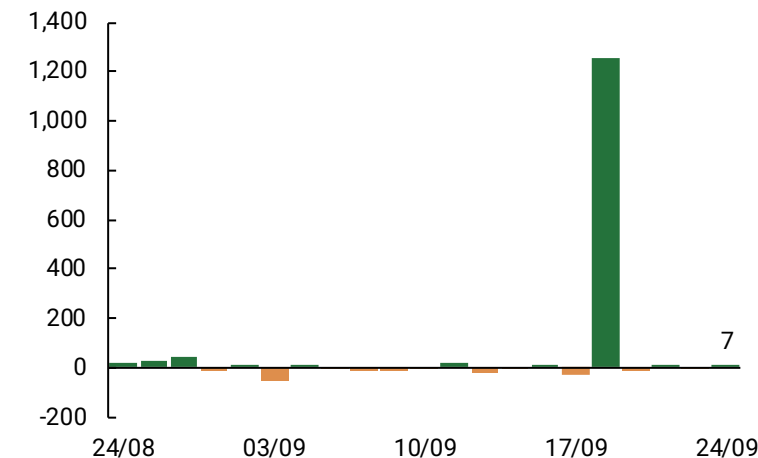
	PVS	SHS	IDC	MBS	CEO
%DoD	-2.7%	-1.4%	0.0%	-1.2%	-0.9%
Giá trị	116	86	50	47	45

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	CAR	HUT	ADC	ADC	ADC
%DoD	9.8%	-0.8%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	6	1	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Sắc tiếp tục chi phối thị trường và chỉ số áp sát biên hỗ trợ quan trọng quanh ngưỡng 1770 điểm. Nếu phá vỡ, đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1700 – 1720 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần hiện quanh vùng 1800 – 1820 điểm. VN-Index cần vượt được ngưỡng 1825 điểm để xác nhận trở lại cấu trúc tăng.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1980 | 2050.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Sắc đỏ tiếp tục chi phối và chỉ số áp sát vùng hỗ trợ quan trọng 1920 – 1930 điểm. Nếu phá vỡ ngưỡng 1920, đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1860 điểm. Chiều ngược lại, vùng 1960 – 1980 trở thành vùng cản gần. Vận động cần vượt trên ngưỡng 1985 điểm để xác nhận quay lại cấu trúc tăng.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	PLX	CUT LOSS	Current price		35.00		P/E (x)	25.0
Exchange	HOSE		Action price		36.45		P/B (x)	1.8
Sector	Exploration & Production		Selling price (25/9)		35 - 35.5		EPS	1400.0
							ROE	7.0%
							Stock Rating	BBB
							Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá đánh mất ngưỡng MA50 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy cung bán chủ động.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro biên độ giảm mạnh hơn nếu mất ngưỡng 34.5.
 - Rủi ro thị trường: Độ rộng kém và Vn-Index chịu áp lực điều chỉnh.
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm và áp lực điều chỉnh trở lại.
- ➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi kỹ thuật.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio		
Ticker	PVD	CUT LOSS	Current price		18.40		P/E (x)	8.6	
Exchange	HOSE		Action price		19.35		P/B (x)	0.6	
Sector	Oil Equipment & Services		Selling price		(25/9)	18.4 - 18.8	-4.5%	EPS	2138.8
								ROE	7.1%
							Stock Rating	BB	
							Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

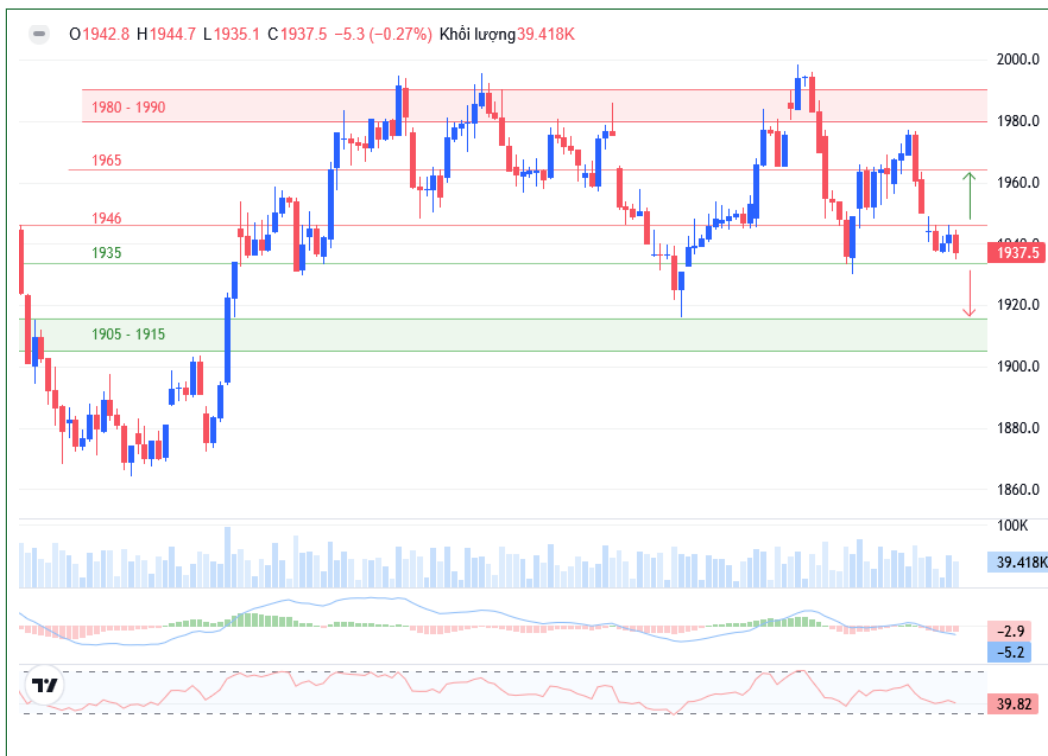
- Giá đánh mất ngưỡng MA50 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy cung bán chủ động.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro thị trường: Độ rộng kém và Vn-Index chịu áp lực điều chỉnh.
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm và áp lực điều chỉnh trở lại.
- ➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi kỹ thuật.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Cắt lỗ	25/09/2026	35.0	35 - 35.5	-4.0%	40	9.7%	34.6	-5.1%	
2	PVD	Cắt lỗ	25/09/2026	18.4	18.4 - 18.8	-4.5%	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1937.5, giảm 12.5 điểm (-0.6%). Giá chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì dưới đường signal, trong khi RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh tiếp tục chiếm ưu thế. Vị thế Short cân nhắc khi giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 1932. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1948.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1839.4, giảm 16 điểm (-0.9%). Độ lệch basis 12.0 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 203 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1830 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1850 điểm.

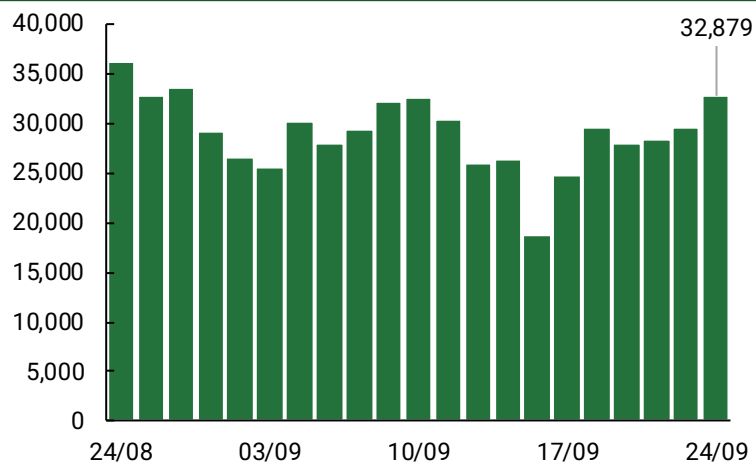
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1948	1960	1940	12 : 8
Short	< 1932	1916	1940	16 : 8

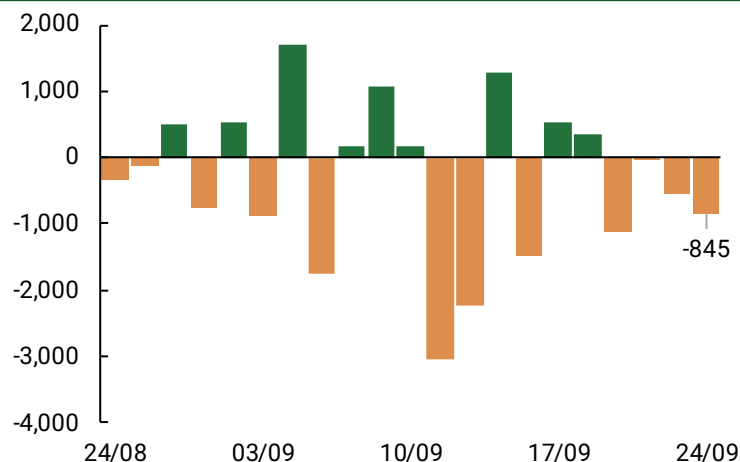
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,936.0	-15.0	60	303	1,948.6	-12.6	18/03/2027	175
4111GC000	1,942.0	-9.9	19	707	1,940.0	2.0	17/12/2026	84
4111GB000	1,936.0	-15.4	83	477	1,937.4	-1.4	19/11/2026	56
4111GA000	1,937.5	-12.5	182,529	32,879	1,934.1	3.4	15/10/2026	21
4112GA000	1,839.4	-16.0	203	129	1,829.2	10.2	15/10/2026	21

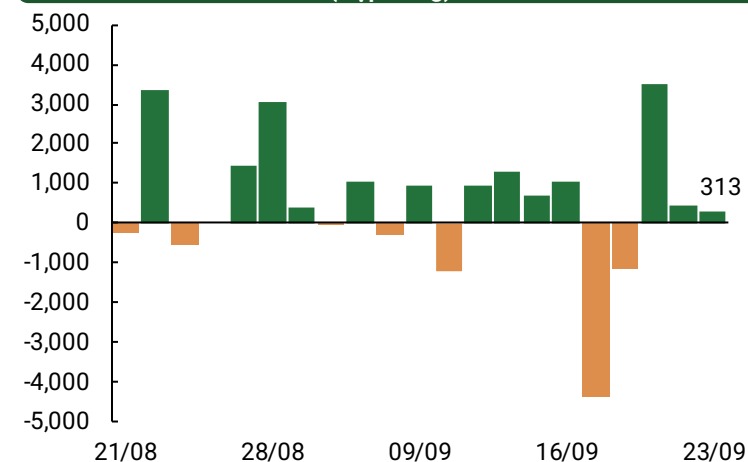
Khối lượng mở (Open interest)



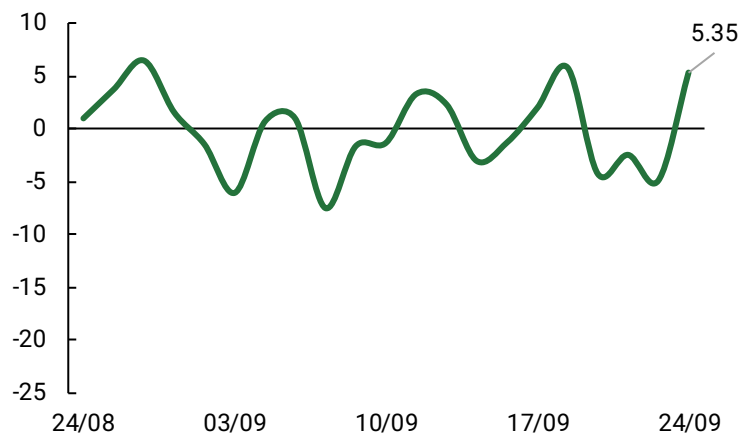
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



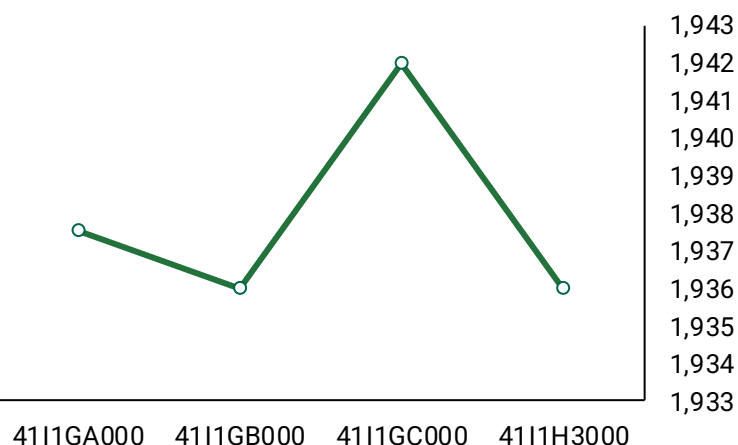
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



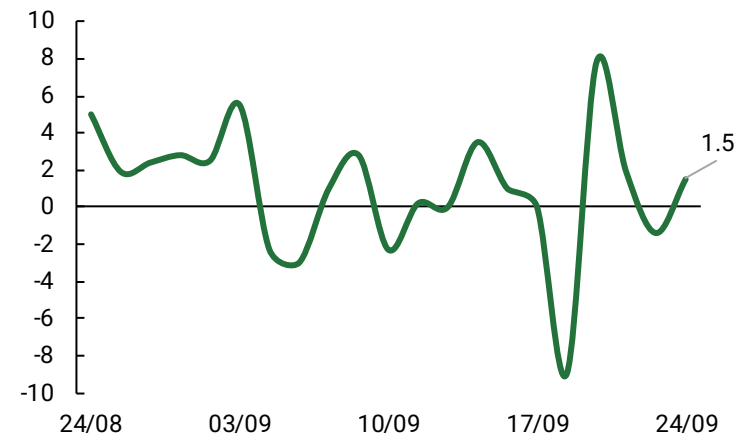
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN tiếp tục điều chỉnh room, tín dụng ngân hàng không thể là nguồn vốn duy nhất: NHNN cho phép loại trừ phần dư nợ tăng thêm đối với nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, sinh thái và nghỉ dưỡng khỏi chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng bất động sản năm 2026. Đến ngày 28/08, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 20.5 triệu tỷ đồng, tăng 10.2% từ đầu năm. Tuy nhiên, tỷ lệ tín dụng/GDP đã khoảng 138% và LDR đạt 98.7%, khiến các chuyên gia cho rằng thị trường vốn cần chia sẻ vai trò cung ứng vốn dài hạn với hệ thống ngân hàng.

Lợi suất trái phiếu Mỹ lên cao nhất 19 năm, kỳ vọng Fed tăng lãi suất tháng 10 tăng mạnh: Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm có lúc lên 5.12%, cao nhất kể từ năm 2007, sau khi PMI tổng hợp tháng 9 tăng lên 58.4 điểm, vượt dự báo. Dữ liệu kinh tế mạnh cùng áp lực chi phí đầu vào khiến thị trường nâng xác suất Fed tăng thêm 0.25 điểm phần trăm trong tháng 10 lên khoảng 70-71%. Dow Jones giảm 0.7%, S&P 500 giảm 0.8% và Nasdaq giảm 1.1% trong phiên 23/9.

Việt Nam thúc đẩy tiếp cận vốn quốc tế và thanh toán số với JPMorgan, Visa: Trong các cuộc gặp tại New York ngày 23/9, phía Việt Nam đề nghị JPMorgan Chase hỗ trợ Chính phủ, ngân hàng và doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn quốc tế như trái phiếu quốc tế và tín dụng xuất khẩu. JPMorgan cho biết sẵn sàng hỗ trợ phát triển thị trường tài chính, thị trường vốn. Việt Nam cũng đề nghị Visa mở rộng hợp tác về thanh toán số, dịch vụ công, giao thông công cộng, du lịch số và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sâu hơn vào kinh tế số.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSR - Đối tác Mỹ mua 4.99% cổ phần, định giá doanh nghiệp 2.5 tỷ USD: Masan High-Tech Materials công bố hợp tác chiến lược với Elmet Group, doanh nghiệp Mỹ niêm yết trên NASDAQ chuyên cung cấp hợp kim vonfram và khoáng sản chiến lược. Theo thỏa thuận, Elmet sẽ mua 4.99% cổ phần MSR, tương ứng mức định giá vốn chủ sở hữu 2.5 tỷ USD. Hai bên cũng cam kết hợp tác dài hạn với sản lượng khoảng 1,250 tấn WO₃ quy đổi/năm, ước tính tổng doanh thu gộp khoảng 1.5 tỷ USD trong thời hạn hợp tác ban đầu.

HCM - Dự kiến chào bán riêng lẻ 200 triệu cổ phiếu: HSC dự kiến phát hành 200 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá 23,000 đồng/cp, tương đương 14.82% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Nếu hoàn tất, công ty có thể huy động khoảng 4,600 tỷ đồng, dùng để bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Sau phát hành, vốn điều lệ HSC dự kiến tăng từ khoảng 13,500 tỷ đồng lên 15,500 tỷ đồng; đáng chú ý, danh sách nhà đầu tư công bố trên website công ty và trên HOSE có sự khác biệt về thành phần tham gia.

KDH - Chốt ngày phát hành hơn 112 triệu cổ phiếu trả cổ tức: Khang Điền dự kiến phát hành hơn 112.2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 10 cổ phiếu mới. Ngày đăng ký cuối cùng là 8/10, ngày giao dịch không hưởng quyền là 7/10. Cùng với phương án ESOP hơn 10.8 triệu cổ phiếu, vốn điều lệ KDH dự kiến tăng từ khoảng 11,222 tỷ đồng lên 12,452 tỷ đồng.

CII - Lâm Đồng chấp thuận CII lập đề xuất tuyến đường ven biển 20,000 tỷ đồng: UBND tỉnh Lâm Đồng chấp thuận chủ trương cho liên danh CII – CII PPP – IMIC lập hồ sơ đề xuất dự án đầu tư xây dựng tuyến đường ven biển dài 34 km, nối Hồ Tràm – Phan Thiết, với quy mô 6-8 làn xe và tổng mức đầu tư khoảng 20,000 tỷ đồng

- 01/09 Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI
Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
- 03/09 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
- 04/09 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 09/09 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10 – Mỹ – Chỉ số PPI, CPI
- 11/09 EU – ECB công bố lãi suất
- 12/09 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
- 15/09 Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- 17/09 Mỹ – Fed công bố lãi suất
Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
- 21/09 Trung Quốc – Lãi suất LPR
Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
- 24/09 Thượng đỉnh Mỹ - Trung
Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
- 30/09 Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	30,000	31,150	3.8%	Nắm giữ
CTG	30,150	40,700	35.0%	Mua
CTD	58,500	82,900	41.7%	Mua
DBD	46,350	66,000	42.4%	Mua
DDV	16,466	35,900	118.0%	Mua
DGW	45,800	47,500	3.7%	Nắm giữ
DPG	27,900	42,300	51.6%	Mua
DPR	38,700	46,500	20.2%	Mua
DRI	14,858	17,200	15.8%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,650	14,400	23.6%	Mua
FRT	142,000	151,000	6.3%	Nắm giữ
GMD	76,300	88,900	16.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	49,350	58,300	18.1%	Tăng tỷ trọng
HDG	16,050	30,900	92.5%	Mua
HHV	9,150	11,700	27.9%	Mua
HPG	20,800	31,600	51.9%	Mua
IMP	36,900	54,400	47.4%	Mua
KDH	15,700	38,800	147.1%	Mua
MCH	141,700	148,500	4.8%	Nắm giữ
MWG	72,900	115,600	58.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,850	27,500	38.5%	Mua
NLG	22,800	39,400	72.8%	Mua
NT2	20,900	27,700	32.5%	Mua
PHR	32,000	39,500	23.4%	Mua
PNJ	33,300	75,500	126.7%	Mua
PVS	32,300	33,250	2.9%	Nắm giữ
PVT	22,300	26,000	16.6%	Tăng tỷ trọng
POW	12,500	17,500	40.0%	Mua
SAB	44,150	54,900	24.3%	Mua
SSI	20,850	31,200	49.6%	Mua
TLG	53,300	50,000	-6.2%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,950	41,700	26.6%	Mua
TCM	15,800	35,300	123.4%	Mua
TRC	22,600	22,950	1.5%	Nắm giữ
VCB	58,100	79,700	37.2%	Mua
VPB	22,100	28,960	31.0%	Mua
VCG	14,050	23,300	65.8%	Mua
VHC	49,700	58,000	16.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	60,600	66,650	10.0%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801